

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 35/2025/TLST-KDTM ngày 07/3/2025 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V2 (V3); Địa chỉ trụ sở: H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1999 hoặc ông Nguyễn Ngọc P1 – Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1036/2025/UQN-KHDNMN ngày 23/5/2025).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần C; Địa chỉ trụ sở: số A đường số I, Khu dân cư N, phường T, Quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn Bửu Đ – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Hoàng Lệ D1, sinh năm 1989 – Là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 02/UQ-CK ngày 16/7/2025).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Đỗ Văn Bửu Đ, sinh năm 1969;

3.2 Bà Phạm Thùy V, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: số A đường số I, phường T, Quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của ông Đ và bà V: Bà Hoàng Lệ D1, sinh năm 1989 – Là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 24/7/2025).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công nhận Công ty Cổ phần C còn nợ Ngân hàng TMCP V2 (V3) số tiền gốc, lãi tính đến ngày 18/8/2025 theo Hợp đồng cho vay số: CLC-8684-01 ngày 04/12/2023 (theo Khế ước nhận nợ số: 150524-12876996-ONL-15, Số: 280524-12876996-ONL-16, Số: 300524-12876996-ONL-18, Số: 100624-12876996-ONL-19, số: 140624-12876996-ONL-20, số: 280624-12876996-ONL-21, số: 280624-12876996-ONL-22, số: 160724-12876996-ONL-23, số: 290724-12876996-ONL-27, số: 290724-12876996-ONL-28, số: 290724-12876996-ONL-29) và Hợp đồng cho vay số: CLC-16042-01 ngày 05/04/2024 (theo Khế ước nhận nợ số: 250424-12876996-ONL-14, số: 251024-12876996-ONL-32) là 4.020.663.534 đồng, trong đó: Nợ gốc: 3.587.582.562 đồng; Nợ lãi trong hạn: 24.154.097 đồng; Nợ lãi quá hạn: 407.078.546 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 1.848.329 đồng.

Ngân hàng TMCP V2 (V3) đồng ý cho Công ty Cổ phần C thanh toán số nợ trên trong thời gian 02 (hai) tháng, hạn cuối đến ngày 19/10/2025 phải thanh toán hết số nợ gốc lãi trên.

Kể từ ngày 19/8/2025, Công ty Cổ phần C vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn và lãi chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký với V3 cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ trên cho V3.

Ngay sau khi Công ty Cổ phần C thanh toán hết số nợ gốc và lãi trên thì Ngân hàng TMCP V2 có trách nhiệm trả lại cho ông Đỗ Văn Bửu Đ và bà Phạm Thùy V bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 603823, số vào sổ cấp GCN: CH06522 do Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 27/06/2016.

Trường hợp Công ty Cổ phần C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền gốc lãi như trên thì Ngân hàng TMCP V2 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V2 là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 341, tờ bản đồ số 71, địa chỉ: khóm Đ, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 603823, số vào sổ cấp GCN: CH06522 do Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 27/06/2016 theo Hợp đồng thế chấp số: CLC-8684-12876996-HDTC-01 ngày 04/12/2023, số công chứng 3313, quyền số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/12/2023.

Trường hợp Công ty Cổ phần C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền gốc lãi như trên thì Ngân hàng TMCP V2 có quyền yêu cầu ông Đỗ

Văn Bửu Đ phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty Cổ phần C theo Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-15419/23/SME/BLCN-01 ngày 04/12/2023.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP V2 (V3) đã nộp là 15.000.000 đồng theo Phiếu thu số 118 ngày 06/6/2025 của Tòa án nhân dân Quận 7 (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6), Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần C có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 15.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP V2 (V3). Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí: Công ty Cổ phần C phải chịu án phí là 56.010.332 đồng.

H lại cho Ngân hàng TMCP V2 (V3) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 52.478.484 đồng theo biên lai thu số 0019988, ký hiệu BLTU/23P ngày 04/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bùi Tường Vân